TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 45/2021/QĐST-DS	*C, ngày 04 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A;

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T- Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân S; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 38-40 Trần Phú nối dài, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1973 và bà Hồ Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M công nhận có nợ và cam kết có nghĩa vụ chung trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai với tổng số tiền là 661.940.647 đồng *(Sáu trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng),* nợ lãi tính đến ngày 26/4/2021 là

161.940.647 đồng *(Một trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).*

2.2. Về thời hạn, phương thức trả nợ:

Ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M cam kết thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai tổng số tiền 661.940.647 đồng *(Sáu trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng),* nợ lãi tính đến ngày 26/4/2021 là 161.940.647 đồng *(Một trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng)* trong thời hạn kể từ ngày 26/4/2021 đến hết ngày 04/5/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành là ngày 26/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M không thanh toán dứt điểm nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.02170810 ngày 17/8/2010 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.BĐCN.02170810/SĐBS-01 ngày 24/4/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất các thửa đất như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 78, diện tích 11.379 m^2 tại Thôn 3, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 066137 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2006.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất Thửa đất số 105, tờ bản đồ 21, diện tích 7.010 m^2 tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 578307 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/01/2001.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất Thửa đất số 127a, tờ bản đồ 12, diện tích 160 m^2 tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 255944 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/8/2004.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 066137 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2006; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 578307 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/01/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 255944 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/8/2004 ngay sau khi ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

2.4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là [20.000.000 đồng + (261.940.647 đồng x 4%)] : 2 = 15.238.813 đồng *(Mười lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm mười ba đồng)*. Ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M tự nguyện chịu trách nhiệm chung toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.238.813 đồng *(Mười lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm mười ba đồng)* để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.259.248 đồng *(Mười ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006506 ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

2.5. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M phải chịu trách nhiệm chung chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*. Ông Nguyễn Thanh Q và bà Hồ Thị M phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương